

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty	10 - 31

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Văn phòng Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


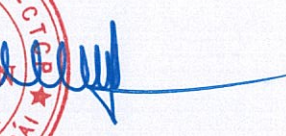
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập và một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 9 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính riêng và hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty và công ty con.



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61201381/21043223/VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Văn phòng Công ty”) được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

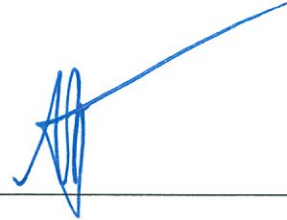
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		156.665.712.167	581.092.972.643
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	26.080.496.179	78.319.241.506
111	1. Tiền		4.830.496.179	27.259.241.506
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.250.000.000	51.060.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		39.459.000.000	408.676.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	39.459.000.000	408.676.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.248.863.291	89.913.765.994
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	47.339.504.337	79.632.459.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		304.870.966	841.277.110
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	28.015.625.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	7.651.877.625	11.209.005.949
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.063.014.637)	(1.768.976.751)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.106.802.429	4.183.465.143
141	1. Hàng tồn kho		4.106.802.429	4.183.465.143
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.770.550.268	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.770.550.268	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		878.280.509.484	426.410.730.690
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		159.039.450.482	7.716.435.482
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	24	7.755.075.482	7.716.435.482
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	151.284.375.000	-
220	II. Tài sản cố định		299.044.958.601	339.392.405.260
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	282.413.797.839	322.350.078.046
222	Nguyên giá		1.451.463.217.108	1.448.135.437.896
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.169.049.419.269)	(1.125.785.359.850)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.631.160.762	17.042.327.214
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.004.161.638)	(3.592.995.186)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	6.2	418.793.176.764	78.430.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.739.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.402.923.637	871.889.948
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.402.923.637	871.889.948
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.034.946.221.651	1.007.503.703.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		71.813.278.893	131.559.233.203
310	I. Nợ ngắn hạn		71.813.278.893	131.559.233.203
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.954.025.373	2.827.932.945
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.290.958.094	2.353.290.631
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	166.008.896	1.225.392.596
314	4. Phải trả người lao động		5.741.719.062	10.421.570.172
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.009.835.472	2.249.637.894
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	24	20.006.006.040	12.103.208.008
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	39.030.937.974	99.227.343.572
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.613.787.982	1.150.857.385
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		963.132.942.758	875.944.470.130
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	963.132.942.758	875.944.470.130
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		328.132.942.758	240.944.470.130
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		205.406.470.130	136.889.615.219
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		122.726.472.628	104.054.854.911
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.034.946.221.651	1.007.503.703.333

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	257.417.552.432	381.927.094.957
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	257.417.552.432	381.927.094.957
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(112.950.920.826)	(129.210.191.745)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.466.631.606	252.716.903.212
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	33.267.885.662	33.426.098.202
22	7. Chi phí tài chính		2.739.000.000	(2.739.000.000)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(28.787.099.711)	(36.081.284.019)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		151.686.417.557	247.322.717.395
31	11. Thu nhập khác		566.868.802	1.150.739.384
32	12. Chi phí khác		(346.053.442)	(507.835.359)
40	13. Lợi nhuận khác		220.815.360	642.904.025
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		151.907.232.917	247.965.621.420
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(29.180.760.289)	(48.660.766.509)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		122.726.472.628	199.304.854.911

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		151.907.232.917	247.965.621.420
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		43.618.495.559	44.139.681.232
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		(2.739.000.000)	2.739.000.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(33.267.885.662)	(34.119.623.516)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		159.518.842.814	260.724.679.136
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		27.418.774.011	(7.485.662.548)
10	Giảm hàng tồn kho		76.662.714	214.217.548
11	Tăng các khoản phải trả		3.043.569.570	1.731.913.437
12	Tăng chi phí trả trước		(531.033.689)	(725.213.724)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.098.798.715)	(47.488.788.480)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		51.420.000	21.580.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.031.759.091)	(2.196.169.569)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151.447.677.614	204.796.555.800
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.327.779.212)	(4.506.559.557)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	897.725.000
23	Tiền chi mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(255.639.500.000)	(408.676.500.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		445.557.000.000	323.577.281.448
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(300.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.720.449.086	30.384.952.478
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(76.689.830.126)	(58.323.100.631)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(126.996.592.815)	(82.311.800.438)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(126.996.592.815)	(82.311.800.438)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(52.238.745.327)	64.161.654.731
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		78.319.241.506	14.157.586.775
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	26.080.496.179	78.319.241.506



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Văn phòng Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 70 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 69 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con với thông tin chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập và một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 9 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính riêng và hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Văn phòng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Văn phòng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
--	---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Văn phòng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng công ty.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Văn phòng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Văn phòng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Văn phòng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Văn phòng Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Văn phòng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Văn phòng Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Văn phòng Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Văn phòng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Văn phòng Công ty sản xuất ra hoặc do Văn phòng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Văn phòng Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRONG NĂM

Mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

Vào ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã mua 25.260.000 cổ phần, tương ứng với 50,94% tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 22 tháng 10 năm 2019. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo đó, Cổ phần Thủy điện Mường Hum đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	63.717.935	174.642.028
Tiền gửi ngân hàng	4.716.778.244	27.084.599.478
Tiền đang chuyển	50.000.000	-
Các Khoản tương đương tiền (*)	<u>21.250.000.000</u>	<u>51.060.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.080.496.179</u>	<u>78.319.241.506</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm tới 4,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5%/năm tới 5,3%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>39.459.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>	<u>408.676.500.000</u>	<u>408.676.500.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>39.459.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>	<u>408.676.500.000</u>	<u>408.676.500.000</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại ngân hàng thương mại với mức lãi suất 6,5%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng) và từ 7,2%/năm đến 7,4%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019				Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	-		-	-	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i)	-	-	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	-		81.169.000.000	(2.739.000.000)		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	0,6%	32.619.000.000	-	40.380.000.000	0,6%	32.619.000.000	(2.739.000.000)	29.880.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (iii)	5%	48.550.000.000	-	(iii)	5%	48.550.000.000	-	(iii)
TỔNG CỘNG		418.793.176.764	-		81.169.000.000	(2.739.000.000)		

- (i) Như được trình bày ở Thuyết minh số 4, vào ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua 25.260.000 cổ phần, tương ứng với 50,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2019 là 13.460 VND/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dự dự phòng cho khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị 2.739.000.000 VND và ghi giảm vào chi phí tài chính trong năm.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu của khách hàng	5.409.996.682	3.850.312.770
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	4.290.969.910	2.519.715.223
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	-	910.225.467
- Phải thu các khách hàng khác	1.119.026.772	420.372.080
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	<u>41.929.507.655</u>	<u>75.782.146.916</u>
TỔNG CỘNG	<u>47.339.504.337</u>	<u>79.632.459.686</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.063.014.637)	(1.768.976.751)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Chi tiết khoản phải thu cho vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Mường Hum	179.300.000.000	Gốc vay và lãi vay được trả định kỳ 3 tháng một lần; đáo hạn vào ngày 28 tháng 9 năm 2027	9,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>179.300.000.000</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Cho vay dài hạn đến hạn trả	28.015.625.000			
Cho vay dài hạn	151.284.375.000			

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	5.240.757.555	10.193.320.979
Phải thu tiền cổ tức	1.500.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	10.000.000
Phải thu khác	<u>911.120.070</u>	<u>1.005.684.970</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.651.877.625</u>	<u>11.209.005.949</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn với bên khác	3.358.502.222	11.209.005.949
Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	4.293.375.403	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.041.256.079	-	3.978.602.884	-
Công cụ, dụng cụ	65.546.350	-	204.862.259	-
TỔNG CỘNG	4.106.802.429	-	4.183.465.143	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	651.758.384.032	774.873.482.333	16.299.094.499	5.087.022.487	117.454.545	1.448.135.437.896
- Mua trong năm	-	1.114.980.000	786.600.000	1.426.199.212	-	3.327.779.212
Số cuối năm	651.758.384.032	775.988.462.333	17.085.694.499	6.513.221.699	117.454.545	1.451.463.217.108
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	13.020.671.339	430.134.356.106	11.490.201.162	4.497.126.883	-	459.142.355.490
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	474.717.318.443	633.598.428.906	12.727.815.531	4.665.137.297	76.659.673	1.125.785.359.850
- Khấu hao trong năm	20.608.341.468	21.882.779.997	539.222.909	227.196.861	6.518.184	43.264.059.419
Số cuối năm	495.325.659.911	655.481.208.903	13.267.038.440	4.892.334.158	83.177.857	1.169.049.419.269
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	177.041.065.589	141.275.053.427	3.571.278.968	421.885.190	40.794.872	322.350.078.046
Số cuối năm	156.432.724.121	120.507.253.430	3.818.656.059	1.620.887.541	34.276.688	282.413.797.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	77.000.000	77.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	3.515.995.186	77.000.000	3.592.995.186
- Hao mòn trong năm	411.166.452	-	411.166.452
Số cuối năm	3.927.161.638	77.000.000	4.004.161.638
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	17.042.327.214	-	17.042.327.214
Số cuối năm	16.631.160.762	-	16.631.160.762

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy Lợi	1.340.086.000	1.340.086.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	-	-	1.425.600.000	1.425.600.000
Công ty TNHH Công nghệ Trung Sơn	-	-	732.600.000	732.600.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	613.939.373	613.939.373	669.732.945	669.732.945
TỔNG CỘNG	1.954.025.373	1.954.025.373	2.827.932.945	2.827.932.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 23.2)	634.125.450	29.180.760.289	(35.098.798.715)	(5.283.912.976)
Thuế tài nguyên	202.465.111	28.804.981.174	(29.022.355.794)	(14.909.509)
Thuế giá trị gia tăng	363.084.614	24.633.050.364	(25.467.862.761)	(471.727.783)
Thuế thu nhập cá nhân	25.717.421	2.030.021.628	(1.889.730.153)	166.008.896
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.767.909.935	(4.767.909.935)	-
Thuế khác	-	147.678.047	(147.678.047)	-
TỔNG CỘNG	1.225.392.596	89.564.401.437	(96.394.335.405)	(5.604.541.372)
Trong đó:				
Thuế phải nộp	1.225.392.596			166.008.896
Thuế phải thu	-			(5.770.550.268)

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	157.449.249	95.404.042.064
Phí môi trường rừng	1.325.712.096	3.692.458.188
Phải trả tiền mua cổ phần (*)	37.409.631.309	-
Khác	138.145.320	130.843.320
TỔNG CỘNG	39.030.937.974	99.227.343.572
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn với bên khác	39.030.937.974	13.104.591.572
Phải trả ngắn hạn với bên liên quan	-	86.122.752.000

(*) Đây là số tiền Công ty còn phải trả các cổ đông cũ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum liên quan Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 354/2019/HĐCNCP ngày 20 tháng 3 năm 2019 (Thuyết minh số 4).

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	1.150.857.385	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 17.1)	3.500.000.000	3.500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(3.037.069.403)	(2.349.142.615)
Số cuối năm	<u>1.613.787.982</u>	<u>1.150.857.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số dư đầu năm	635.000.000.000	223.206.639.219	858.206.639.219
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	199.304.854.911	199.304.854.911
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 16)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(177.800.000.000)	(177.800.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
Số dư cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>240.944.470.130</u>	<u>875.944.470.130</u>
Năm nay			
Số dư đầu năm	635.000.000.000	240.944.470.130	875.944.470.130
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	122.726.472.628	122.726.472.628
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 16) (*)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(31.750.000.000)	(31.750.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*)	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Số dư cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>328.132.942.758</u>	<u>963.132.942.758</u>

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức đợt 2 và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết số 246/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 3 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	-	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	-	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	<u>60.848.320.000</u>	<u>9,58%</u>
TỔNG CỘNG	<u>635.000.000.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	31.750.000.000	177.800.000.000
Cổ tức đã trả	126.996.592.815	82.311.800.438

17.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Thanh toán cổ tức cho năm 2018 đợt 2: 500 VND/cổ phiếu	31.750.000.000	-
Cổ tức cho năm 2018 đợt 1: 1.500 VND/cổ phiếu	-	95.250.000.000
Cổ tức cho năm 2017 đợt 2: 1.300 VND/cổ phiếu	-	82.550.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

17.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

18. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	337	363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	257.417.552.432	381.927.094.957
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	257.010.616.069	381.583.540.412
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	406.936.363	343.554.545
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>257.417.552.432</u>	<u>381.927.094.957</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	406.936.363	343.554.545
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	257.010.616.069	381.583.540.412

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.017.885.662	27.876.098.202
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.250.000.000	5.550.000.000
TỔNG CỘNG	<u>33.267.885.662</u>	<u>33.426.098.202</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	112.641.607.642	128.982.127.208
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	309.313.184	228.064.537
TỔNG CỘNG	<u>112.950.920.826</u>	<u>129.210.191.745</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	14.166.834.897	15.667.236.334
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.364.930.722	2.052.896.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.682.047.195	8.351.681.882
Chi phí khác	7.573.286.897	10.009.469.500
TỔNG CỘNG	<u>28.787.099.711</u>	<u>36.081.284.019</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.156.220.854	2.982.696.415
Chi phí nhân công	36.217.853.549	39.764.228.957
Chi phí khấu hao và hao mòn	43.618.495.559	44.139.681.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.183.739.092	12.892.936.586
Chi phí khác	48.561.711.483	65.511.932.574
TỔNG CỘNG	<u>141.738.020.537</u>	<u>165.291.475.764</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Văn phòng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.969.828.582	48.770.391.795
Điều chỉnh thuế trích thiếu/(thừa) các năm trước	210.931.707	(109.625.286)
TỔNG CỘNG	<u>29.180.760.289</u>	<u>48.660.766.509</u>

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Văn phòng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	151.907.232.917	247.965.621.420
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	30.381.446.582	49.593.124.285
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí hỗ trợ không được khấu trừ	-	160.000.000
Chi phí không được khấu trừ khác	38.382.000	127.267.510
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.450.000.000)	(1.110.000.000)
Chi phí thuế TNDN	<u>28.969.828.582</u>	<u>48.770.391.795</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Văn phòng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	257.010.616.069	381.583.540.412
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	19.183.350.000	107.422.470.400
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	9.525.000.000	53.340.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con (từ ngày 4 tháng 11 năm 2019)	Cho vay Lãi vay phải thu	179.300.000.000 2.846.694.581	- -

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Văn phòng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Văn phòng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	41.929.507.655	75.782.146.916
			<u>41.929.507.655</u>	<u>75.782.146.916</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con (từ ngày 4 tháng 11 năm 2019)	Tiền lãi vay phải thu	4.293.375.403	-
			<u>4.293.375.403</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Cấp vốn kinh doanh Tài sản điều chuyển	1.000.000.000 6.755.075.482	1.000.000.000 6.716.435.482
			7.755.075.482	7.716.435.482
<i>Phải trả nội bộ ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Doanh thu dịch vụ thu hộ	20.006.006.040	12.103.208.008
			20.006.006.040	12.103.208.008

Chi tiết thông tin khoản phải thu về cho vay bên liên quan được trình bày chi tiết ở Thuyết minh số 8.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.665.259.914	2.117.356.854
Thù lao Hội đồng Quản trị	360.000.000	288.000.000
TỔNG CỘNG	3.025.259.914	2.405.356.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

